

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2015/HCST

Ngày : 22/12/2015

*V/v: Khiếu kiện Quyết định giải quyết
kiếu nại.*

nhân danh

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hằng**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ngụ Thị Ngọc Bích**
Nguyễn Mạnh Tụng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Dương Thị Huệ - Cán bộ Toà án nhân dân TP Hà Nội.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 12/HCST ngày 11 tháng 8 năm 2014 về việc khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 6838/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐST-HC ngày 07/12/2015, giữa :

Người khởi kiện : Ông Nguyễn Đức P - Sinh năm : 1942

Nơi cư trú : Số 1 ngõ E7 Phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà trung, Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị kiện : Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội .

Địa chỉ tro sê: 79 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện hợp pháp : ông Bùi Văn Đ

Chức vụ: Phó Chánh thanh tra - Thanh tra thành phố Hà Nội.

(Theo văn bản uỷ quyền số 3940 ngày 10/6/2015 của Chủ tịch UBND TP HN).

Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Địa chỉ trụ sở: 31 phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Quang T - Trưởng phòng TN&MT quận Hai Bà Trưng.

Ông Lê Doãn G - Phó Chánh thanh tra quận Hai Bà Trưng.

(Ông T xin vắng mặt, ông G có mặt tại phiên tòa).

2/ Bà Nguyễn Thị N - Sinh Năm : 1949

Nơi cư trú : Số 1 ngõ E7 Phường Quỳnh mai, quận Hai Bà trung, Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện ngày 9/6/2014 và bản tự khai ngày 22/9/2014, **người khởi kiện là ông Nguyễn Đức P** trình bày:

Năm 1992, ông mua của Công ty Lâm sản Hà Nội 1 căn hộ thuộc tầng 1 đơn nguyên E16 phường Quỳnh Mai với tổng diện tích sử dụng là 103,6m² trong đó có 50,4 m² là diện tích nhà mua có giấy tờ đã được cấp Giấy chứng nhận (GCN) và 53,2 m² là diện tích đất xung quanh nằm trong tường rào bảo vệ căn hộ (tường rào do Công ty Lâm sản xây từ năm 1989). Trên diện tích đất, gia đình ông đã xây gian nhà rộng khoảng 17m², còn lại làm sân. Đơn nguyên E16 gồm 2 căn hộ độc lập, có lối đi, cầu thang và công trình hạ tầng riêng biệt nên không phải là căn hộ chung cư nhưng UBND quận Hai Bà Trưng lại cho rằng diện tích đất này là đất lưu không của khu chung cư, không đủ điều kiện để cấp GCN nên ông đã gửi đơn kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền. Ngày 25/1/2010, ông nhận được văn bản số 86 của Tổng Cục quản lý đất đai trả lời đơn của ông có đoạn ghi: Phần diện tích nằm ngoài phạm vi diện tích nhà được mua thanh lý của gia đình ông có thể được xem xét cấp GCN nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 điều 14 Nghị định 84/CP của Chính phủ. Ngày 24/9/2010, UBND phường Quỳnh Mai cũng có văn bản số 92 đề nghị UBND quận Hai Bà Trưng cấp GCN cho 10 hộ gia đình trong đó có vợ chồng ông. Tuy nhiên, ngày 13/11/2010 UBND quận lại bàn giao trả hồ sơ đăng ký cấp GCN của gia đình ông cho UBND phường vì cho rằng diện tích 53,2 m² đất này là đất lưu không giữa các nhà chung cư cao tầng đã có quy hoạch chi tiết và được xây dựng từ trước khi gia đình ông sử dụng đất nên không đủ điều kiện cấp GCN (nêu tại văn bản số 1353 ngày 8/11/2012). Ngày 16/5/2013, UBND quận Hai Bà Trưng ra quyết định giải quyết khiếu nại số 1898, cho rằng khiếu nại của ông là sai và giữ nguyên nội dung văn bản số 1353. Không đồng ý với Quyết định số 1898, ông tiếp tục khiếu nại đến UBND TP Hà Nội. Ngày 12/11/2013 Phó chủ tịch UBND TP Hà Nội ký quyết định số 6838 V/v giải quyết khiếu nại của ông có nội dung: Giao cho UBND quận Hai Bà Trưng cấp GCN bổ sung đối với 5,61m² đất gắn liền với diện tích nhà ông đã mua. Còn lại 47,59 m² là đất lưu không, sử dụng chung của khu nhà E16, E17 không đủ điều kiện để cấp GCN vì phần diện tích đất này nằm ngoài diện tích nhà mua và thuộc đồ án quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng lại khu tập thể Quỳnh Mai. Theo ông, nội dung này là sai trái, không khách quan và thiếu căn cứ pháp lý vì theo quy định tại khoản 1, khoản 4 điều 14 Nghị định 84 của Chính phủ và khoản 3 điều 19 Quyết định 13 của UBND TP Hà Nội thì diện tích 47,59 m² đất liền kề căn hộ do gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1992 đủ điều kiện để được cấp GCN. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy quyết định số 6838 nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 23/7/2015, **Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội** do ông Bùi Văn Đ đại diện trình bày:

Nhà đất của gia đình ông Nguyễn Đức P tại số 1 ngõ E7 phường Quỳnh Mai có nguồn gốc như sau: Năm 1989, Công ty Lâm sản Hà Nội ký hợp đồng số 22 mua của Công ty Xây dựng nhà ở Hà Nội 4 căn hộ gồm 2 tầng nhà E16 và E17 với tổng diện tích chính là 146,8m², tổng diện tích phụ là 167,2 m² (bao gồm bếp, xí, tắm, logia). Trong hợp đồng không có diện tích đất sân, vườn, đất lưu không. Ngày 14/1/1992, Công ty Lâm sản Hà Nội bán phân phối cho ông P 01 căn hộ tầng 1 nhà E17 diện tích theo thiết kế là 39,25 m² (thực tế gia đình ông P ở căn hộ 50,4m² tầng 1 nhà E16, địa chỉ hiện nay là số 1 ngõ E7 phường Quỳnh Mai).

Năm 2003, ông P kê khai hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (GCN) với tổng diện tích là 103,6 m². Hồ sơ đăng ký cấp GCN của gia đình ông P đã được Hội đồng đăng ký nhà ở, đất ở xét duyệt và kết luận: về đất: tổng diện tích sử dụng 103,6m², trong đó nguồn gốc hợp lệ 50,4m²..., diện tích 53,2 m² không có giấy tờ, ảnh hưởng khoảng lưu không giữa tầng 2, gia đình ông P đã sử dụng từ năm 1992, đã xây dựng 27 m² nhà ở, còn lại làm sân 26,2 m², không có tranh chấp khiếu kiện.

Ngày 29/11/2005, UBND phường Quỳnh Mai có tờ trình số 05 trình UBND quận Hai Bà Trưng cấp GCN cho các hộ gia đình trong đó hộ ông P được đề nghị cấp 103,6 m². Tuy nhiên, theo quyết định số 447 ngày 31/12/2007 của UBND quận Hai Bà Trưng thì hộ ông Nguyễn Đức P chỉ được cấp GCN đối với 50,4m² nhà tầng 1 và diện tích đất ở gắn liền căn hộ là 50,4 m² sử dụng chung. Như vậy, ông P chưa được cấp GCN đối với 53,2 m² đất nằm ngoài căn hộ. Do ông P có đơn kiến nghị đến UBND quận Hai Bà Trưng nên ngày 8/11/2012, UBND quận Hai Bà Trưng có văn bản số 1353 trả lời đơn của ông P về diện tích 53,2m² không đủ điều kiện cấp GCN, ngày 09/1/2013 UBND quận có văn bản số 36 nội dung giữ nguyên nội dung đã trả lời ông P tại văn bản số 1353. Ngày 16/5/2013, UBND quận Hai Bà Trưng ra quyết định số 1898 V/v giải quyết khiếu nại của ông P có nội dung giữ nguyên nội dung văn bản số 1353 và văn bản số 36. Không đồng ý với quyết định số 1898, ông P tiếp tục khiếu nại đến UBND TP Hà Nội, Thanh tra Thành phố đã tiến hành kiểm tra thực tế và xác định được như sau: Phần diện tích 53,2m² đất gia đình ông P chưa được cấp GCN gồm: 5,61m² là mái hiên gắn liền với phần nhà ông P đã mua của Công ty Lâm sản; 17,7m² nhà ở tầng 1 gia đình ông P tự xây dựng trên diện tích đất chung trong khuôn viên tường rào; 29,89m² là sân thuộc diện tích đất chung trong khuôn viên tường rào.

Trên cơ sở kết luận và kiến nghị của Thanh tra thành phố, ngày 12/11/2013 UBND TP Hà Nội đã ban hành quyết định số 6838 V/v giải quyết khiếu nại của ông P. Theo đó, UBND thành phố quyết định giao UBND quận Hai Bà Trưng xem xét cấp GCN bổ sung đối với 5,61m² đất gắn liền với diện tích nhà mà ông P đã mua. Còn lại 47,59m² đất nằm trong khuôn viên tường rào, gia đình ông P sử dụng từ năm 1992 nhưng nằm ngoài diện tích mua của công ty Lâm sản Hà Nội, là đất lưu không sử dụng chung của khu nhà E16, E17. Diện tích đất này cũng nằm trong đồ án quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng lại khu tập thể Quỳnh Mai đang được nghiên cứu lập theo quyết định số 5357 ngày 16/11/2011 của UBND TP Hà Nội nên không

đủ điều kiện cấp GCN. Nay ông P khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 6838 ngày 12/11/2013 của UBND TP Hà Nội là không có căn cứ, quan điểm của UBND TP Hà Nội là giữ nguyên quyết định số 6838 nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* UBND quận Hai Bà Trưng do ông Nguyễn Quang T và ông Lê Doãn G đại diện thống nhất trình bày: Trước khi ban hành văn bản trả lời đơn số 1353, số 36 và quyết định số 1898 V/v giải quyết khiếu nại của ông P đối với diện tích 53,2 m² đất lưu không không được cấp GCN, UBND quận Hai Bà Trưng đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và môi trường xem xét, đối chiếu các quy định của pháp luật lập văn bản xin ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền thành phố. Ngày 06/8/2012, Sở Quy hoạch kiến trúc có văn bản số 2244 cung cấp thông tin như sau: Khu tập thể Quỳnh Mai xây dựng từ những năm 1960 và được quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tại thời điểm đó. Tòa nhà E16, E17 thuộc khu tập thể Quỳnh Mai thể hiện tại bản hợp đồng mua bán số 22 ngày 14/1/1989 do Công ty Xây dựng nhà ở Hà Nội bán cho Công ty Lâm sản Hà Nội 04 căn hộ ở tầng 1 và 2 nhà E16, E17... Trong hợp đồng không có nội dung nêu về diện tích đất vườn và đất lưu không. Phần diện tích đất 53,2m² là phần diện tích lưu không sử dụng chung của chung cư 2 tầng, hiện nay đang thuộc đồ án quy hoạch cải tạo xây dựng lại khu tập thể Quỳnh Mai tỷ lệ 1/500 theo quyết định số 5357 ngày 16/11/2011 của UBND TP Hà Nội. Do vậy, khu đất này trong khu vực không ổn định để có cơ sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND quận Hai Bà Trưng cũng đã tổ chức đối thoại với ông P và thực hiện hết trách nhiệm, thẩm quyền trong việc ông P xin cấp GCN đối với 53,2m² đất này nhưng ông P vẫn tiếp tục khiếu nại. Theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 6838 ngày 12/11/2013 của UBND TP Hà Nội thì ông P chỉ được chấp nhận cấp bổ sung 5,61m² đất là mái hiên của căn hộ, còn 47,59m² là đất lưu không, không được chấp nhận cấp GCN là đúng. Quan điểm của UBND quận Hai Bà Trưng là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P.

* Bà Nguyễn Thị N (vợ ông P) thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Đức P, người khởi kiện vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án hủy quyết định số 6838 ngày 12/11/2013 của UBND TP Hà Nội.

- Ông Bùi Văn Đ, đại diện người bị kiện trình bày: diện tích 47,59m² đất liền kề căn hộ của ông P là đất lưu không sử dụng chung của khu nhà và nằm trong quy hoạch thực hiện đồ án cải tạo xây dựng lại khu tập thể Quỳnh Mai nên không đủ điều kiện để cấp GCN. Vì vậy, Chủ tịch UBND TP Hà Nội giữ nguyên quyết định số 6838, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của ông P.

- Ông Lê Doãn G, đại diện UBND quận Hai Bà Trưng trình bày: thông nhất với ý kiến của ông Định, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án hành chính đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức P là đúng thẩm quyền. Quá trình tham gia tố tụng tại toà án của các đương sự và quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của ụng Phan: đề nghị HĐXX căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận để xem xét giải quyết vụ ỏn theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử

XÉT THẤY:

Về tố tụng :

Ngày 12/11/2013, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6838 V/v giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức P đối với việc UBND quận Hai Bà Trưng không cấp GCN đối với 53,2m2 đất bao quanh căn hộ số 1 ngõ E7 Phường Quỳnh Mai. Ngày 9/6/2014, ông P nộp đơn khởi kiện tại Toà án. Căn cứ điểm c khoản 1 điều 30, điểm a khoản 2 điều 104 Luật Tố tụng hành chính, xác định đơn khởi kiện của ông P còn trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của quyết định 6838/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội (viết tắt là Quyết định 6838), Hội đồng xét xử thấy:

*** Về thẩm quyền ban hành quyết định:**

Do ông Nguyễn Đức P không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND quận Hai Bà Trưng và có khiếu nại đến UBND TP Hà Nội. Theo quy định tại khoản 2 điều 21 Luật Khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2 là Chủ tịch UBND TP Hà Nội. Căn cứ Quyết định phân công nhiệm vụ số 299 ngày 15/8/2008 của UBND Thành phố Hà Nội thì Quyết định số 6838 do Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội ký ban hành là không trái thẩm quyền.

*** Về thủ tục ban hành quyết định:**

Sau khi nhận được đơn của ông P khiếu nại Quyết định số 1898 của UBND quận Hai Bà Trưng, ngày 1/7/2013, UBND Thành phố Hà Nội đã có văn bản số 4691 giao Thanh tra thành phố Hà Nội xem xét, kết luận. Sau khi thẩm tra xỏc minh làm rừ nội dung khiếu nại, ngày 14/10/2013 Thanh tra thành phố Hà Nội đã có bản Kết luận số 2634 đề nghị UBND TP Hà Nội ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2. Trên cơ sở Kết luận số 2634 của Thanh tra thành phố, ngày 12/11/2013 Chủ tịch UBND

TP Hà Nội ban hành quyết định số 6838 là đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 38 Luật Khiếu nại .

*** Về nội dung quyết định:**

Về nguồn gốc nhà ở của gia đình ông P là do ông P mua của Công ty Kinh doanh lâm sản Hà Nội theo văn bản số 14 ngày 14/1/1992 của Giám đốc Công ty Kinh doanh lâm sản Hà Nội. Văn bản số 14 có nội dung như sau: Quyết định bán phân phối cho ông Nguyễn Đức P căn hộ gác 1 phía đông thuộc nhà E17 phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, diện tích sử dụng theo thiết kế là 39,25m².

Ngoài diện tích căn hộ, văn bản số 14 không quy định cho ông P được quyền sở hữu, sử dụng một diện tích nhà đất nào khác. Như vậy, về pháp lý thì gia đình ông P chỉ được sử dụng hợp pháp diện tích căn hộ đã mua nên năm 2007 UBND quận Hai Bà Trưng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (GCN) cho vợ chồng ông P đối với căn hộ nêu trên.

Năm 1989, Công ty Kinh doanh lâm sản Hà Nội xây tường rào bao quanh nhà E16 và E17 theo Giấy phép xây dựng số 3482 ngày 21/8/1989 của UBND TP Hà Nội tạo một khoảng đất lưu không quanh nhà có diện tích 53,2m², gia đình ông P đã sử dụng diện tích đất này từ năm 1992.

Tuy nhiên, tại văn bản ngày 29/11/2005 của Công ty xuất nhập khẩu Hà Lâm (tên cũ là Công ty Kinh doanh lâm sản Hà Nội) bổ sung nội dung giấy xác nhận ngày 7/11/2015 như sau: Nhà ông Nguyễn Đức P được mua của Công ty là tầng 1 của căn hộ, hiện nay công ty vẫn sở hữu tầng 2. Diện tích đất nằm trong khuôn viên tường rào là diện tích chung của căn hộ. Do có lối đi thuận tiện...nên từ năm 1992, công ty để gia đình ông P sử dụng phần đất chung của căn hộ. Nếu ông P có nhu cầu xây dựng thì có thể xây dựng tầng 1 trên đất chung lưu không phù hợp với luật xây dựng, không gian tầng 2 của phần đất chung lưu không vẫn thuộc quyền sở hữu của công ty XNK Hà Lâm. Công trình phụ tầng 2 riêng biệt có hệ thống tiêu thoát chung với công trình phụ tầng 1 hiện nay vẫn được giữ nguyên như thiết kế ban đầu.

Theo quyết định số 5357 ngày 16/11/2011 thì UBND TP Hà Nội đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng lại khu tập thể Quỳnh Mai, tỷ lệ 1/500.

Tại văn bản số 2244 ngày 06/8/2012 của Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội có nội dung như sau: diện tích 53,2m² gia đình ông P sử dụng từ năm 1992 hiện nay đang thuộc đồ án quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng lại khu tập thể Quỳnh Mai. Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết này đã được UBND TP Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5357 ngày 16/11/2011. Do vậy, khu đất này trong khu vực không ổn định quy hoạch để có cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu nêu trên, HĐXX thấy: Trong tổng số diện tích 103,6m² đất mà ông P cho rằng thuộc quyền sử dụng của gia đình ông thì đã có 50,4m² đất gắn liền với căn hộ ông P được UBND quận Hai Bà Trưng chứng nhận là đất sử dụng chung theo quyết định số 447 ngày 31/12/2007, diện tích còn lại liền kề căn hộ là đất lưu không của nhà E16, công trình tiêu thoát nước ở tầng 2 (là trụ sở Công ty XNK Hà Lâm) chung với tầng 1 (là căn hộ của ông P) có từ khi tòa nhà được thiết kế và xây dựng nên ý kiến của ông P cho rằng gia đình ông có quyền

sử dụng toàn bộ 103,6m² đất và căn hộ tầng 1 ông mua có công trình hạ tầng riêng biệt là không có căn cứ. Tuy gia đình ông P sử dụng diện tích đất này trước thời điểm 15/10/1993 nhưng là đất thuộc Công ty XNK Hà Lâm quản lý và Công ty chỉ đồng ý cho gia đình ông P được sử dụng phần mặt đất, còn khoảng không vẫn thuộc quyền sử dụng của công ty nên về thực tế gia đình ông P sử dụng diện tích đất này luôn luôn bị hạn chế. Việc ông P xây nhà không có giấy phép xây dựng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không có căn cứ để xác định quyền sử dụng hợp pháp của ông P đối với diện tích đất lưu không này.

Khu tập thể Quỳnh Mai được phê duyệt quy hoạch và xây dựng từ năm 1960, Nhà E16, E17 do Công ty xây dựng nhà ở Hà Nội xây dựng theo thiết kế để bán cho công nhân viên chức theo quyết định số 1257 ngày 24/3/1988 của UBND TP Hà Nội, ông P chỉ mua căn hộ theo theo thiết kế, còn diện tích đất ngoài căn hộ mà gia đình ông P đang sử dụng là đất lưu không của khu nhà nên thuộc trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 3 điều 1 Quyết định 111 ngày 27/7/2005 của UBND TP Hà Nội. Hơn nữa, việc sử dụng diện tích này là không phù hợp với quy hoạch vì toàn bộ khu đất đã nằm trong quy hoạch cải tạo xây dựng lại khu tập thể Phường Quỳnh Mai được UBND TP Hà Nội phê duyệt tại quyết định số 5357 ngày 16/11/2011 nên không ổn định để cấp Giấy chứng nhận.

Do năm 2007, UBND quận Hai Bà Trưng cấp GCN đối với căn hộ ông P mua còn thiếu phần diện tích mái hiên nên Chủ tịch UBND TP Hà Nội đã giao UBND quận Hai Bà Trưng xem xét cấp GCNQSDĐ bổ sung đối với 5,61m² đất gắn liền với diện tích nhà (nêu tại điều 1 quyết định 6838) là đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông P, 47,59m² đất còn lại không được cấp GCN là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và dẫn chiếu các căn cứ pháp luật nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức P đề nghị huỷ quyết định số 6838 ngày 12/11/2013 của Chủ tịch UBND TP Hà Nội là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông P không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Điều 27, khoản 1 điều 28, điểm c khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 103; điểm a khoản 2 điều 163; Các điều 164; 174, 176 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 2 điều 21, điều 38 Luật Khiếu nại; Điểm e khoản 3 điều 1 Quyết định 111/QĐ-UBND ngày 27/7/2005 và khoản 4 điều 11 Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của UBND thành phố Hà Nội; Khoản 1 điều 31, khoản 2 điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức P đề nghị huỷ Quyết định số 6838/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức P ở số 1 ngõ E7 phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Đức P phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông P đã nộp theo biên lai số 04069 ngày 30/7/2014 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội .

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND thành phố Hà nội;
- các đương sự;
- Lưu HS/VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hằng